

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

MÔN: NGỮ VĂN LỚP 10 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 phút

T T	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	TL	TNK Q	T L	
1	Đọc hiểu	Đọc hiểu thơ Đường luật (Ngoài SGK)	3	0	4	1	0	2	0	0	60
2	Viết	Nghị luận về một bài thơ Đường luật	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			15	5	25	15	0	30	0	10	100
Tỉ lệ %			20%		40%		30%		10%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA

MÔN: NGỮ VĂN LỚP 10 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

Ghi chú: Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ.

TT	Nội dung kiến thức/kỹ năng	Đơn vị kiến thức/kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	ĐỌC HIỂU	Đọc hiểu thơ (Ngoài SGK)	Nhận biết: - Nhận diện được phương thức biểu đạt, thể thơ của bài thơ. - Nhận diện được từ ngữ, chi tiết, hình ảnh,... trong bài thơ. Thông hiểu: - Hiểu được các thành phần nghĩa của câu; hiểu những đặc sắc về nội dung của bài thơ. Vận dụng: - Nhận xét về nội dung của bài thơ; bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong bài thơ.	3TN	4TN 1TL	2TL	0	10

TT	Nội dung kiến thức/kỹ năng	Đơn vị kiến thức/kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
2	LÀM VĂN	Nghị luận về một bài thơ	Nhận biết: - Xác định được kiểu bài nghị luận; vấn đề nghị luận. - Giới thiệu tác giả, tác phẩm, vấn đề nghị luận. - Nêu nội dung cảm hứng, hình tượng nhân vật trữ tình, đặc điểm nghệ thuật nổi bật... của bài thơ Đường luật. Thông hiểu: - Diễn giải những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ. - Lí giải được một số đặc điểm tâm trạng của nhân vật trữ tình	1*	1*	1*	1TL*	1

Ghi chú: Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ.

TT	Nội dung kiến thức/kỹ năng	Đơn vị kiến thức/kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			thể hiện trong bài thơ. Vận dụng: - Vận dụng các kỹ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, làm rõ vấn đề nghị luận. - Nhận xét về nội dung, nghệ thuật của bài thơ, đóng góp của tác giả đối với văn học trung đại. Vận dụng cao: - So sánh với tác phẩm khác; liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận. - Có sáng tạo trong diễn đạt,					

TT	Nội dung kiến thức/kỹ năng	Đơn vị kiến thức/kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, bài văn giàu sức thuyết phục.					
Tổng				3 TN	4TN, 1TL	2 TL	1 TL	11
Tỉ lệ %				20	40	30	10	100
Tỉ lệ chung				60		40		100

Ghi chú: Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ.

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

CHIỀU HÒM NHỚ NHÀ

(Bà Huyện Thanh Quan)

Chiều trời bảng lảng bóng hoàng hôn,
Tiếng ốc xa đưa lẫn trống đồn.
Gác mái, ngư ông⁽¹⁾ về viễn phố⁽²⁾,
Gõ sừng, mục tử⁽³⁾ lại cô thôn⁽⁴⁾.
Ngàn mai⁽⁵⁾ gió cuốn chim bay mỏi,
Dặm liễu⁽⁶⁾ sương sa khách bước dồn.
Kẻ chốn trang đài⁽⁷⁾ người lữ thứ⁽⁸⁾,
Lấy ai mà kể nỗi hàn ôn⁽⁹⁾?

(Nguồn: Trần Trung Viên, Văn đàn bảo giám, NXB Văn học, 2004)

Chú thích:

(1) Ngư ông: ông già câu cá/ đánh cá

- (2) *Viễn phố*: nơi bến xa
(3) *Mục tử*: đưa trẻ chăn trâu
(4) *Cô thôn*: xóm lẻ trơ trọi
(5) *Ngàn mai*: rừng mai
(6) *Dặm liễu*: đường đi có trồng liễu ở hai bên
(7) *Trang đài*: chốn trang điểm của người phụ nữ; ở đây dùng để chỉ người ở nhà chờ đợi.
(8) *Người lữ thứ*: người ở quán trọ, dùng để chỉ người đi xa, không ở nhà.
(9) *Hàn ôn*: lạnh và ấm, chỉ việc hai người gặp nhau hỏi trời lạnh và ấm thế nào, thường dùng với nghĩa tâm sự, kể lể, hỏi han.

Lựa chọn đáp án đúng nhất cho các câu hỏi từ 1 đến 8:

Câu 1. Bài thơ được viết theo thể thơ nào?

- A. Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật
- B. Thất ngôn bát cú Đường luật
- C. Lục bát
- D. Tự do

Câu 2. Bài thơ sử dụng các phương thức biểu đạt nào?

- A. Biểu cảm kết hợp tự sự
- B. Nghị luận kết hợp biểu cảm
- C. Miêu tả kết hợp tự sự
- D. Biểu cảm kết hợp miêu tả

Câu 3. Từ nào sau đây không phải là từ Hán Việt trong bài thơ?

- A. *viễn phố*
- B. *mục tử*
- C. *ngư ông*
- D. *ngàn mai*

Câu 4. Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong hai câu thơ sau:

*Ngàn mai gió cuốn chim bay mỏi,
Dặm liễu sương sa khách bước dồn*

- A. Nhân hoá

- B. Ẩn dụ
- C. Đảo ngữ
- D. Đối lập

Câu 5. Dòng nào sau đây **chưa đúng** khi nói cảnh vật được miêu tả trong bài thơ?

- A. Cảnh vật được miêu tả vào buổi chiều muộn nơi thôn quê.
- B. Khung cảnh đẹp nhưng đượm buồn, cô đơn.
- C. Sử dụng các hình ảnh ước lệ, nhiều màu sắc
- D. Cảnh vật mang hồn người, đậm đà bản sắc dân tộc.

Câu 6: Dòng nào dưới đây nhận xét đúng về bài thơ *Chiều hôm nhớ nhà* (Bà Huyện Thanh Quan)?

- A. Đây là bài thơ Đường luật viết bằng chữ Hán
- B. Đây là bài thơ thất ngôn xen lục ngôn
- C. Đây là bài thơ Đường luật tứ tuyệt viết bằng chữ Nôm.
- D. Đây là một bài thơ thất ngôn bát cú Đường luật viết bằng chữ Nôm

Câu 7. Nghệ thuật đặc sắc của bài thơ *Chiều hôm nhớ nhà* là:

- A. Kết cấu bài thơ phù hợp với tâm trạng chủ thể trữ tình.
- B. Hình ảnh thơ gợi cảm, giàu màu sắc; nghệ thuật tả cảnh ngụ tình đặc sắc.
- C. Lời thơ trang nhã, sử dụng nhiều từ Hán Việt, giọng thơ man mác, hoài cổ.
- D. Ngôn ngữ thơ Nôm bình dị nhưng giàu sức biểu cảm, táo bạo, in đậm cá tính sáng tạo của nữ sĩ.

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:

Câu 8. Nêu tác dụng của việc sử dụng các từ Hán Việt trong bài thơ.

Câu 9. Anh/chị có cảm nhận gì về tâm trạng của nhân vật trữ tình trong hai câu thơ cuối?

*Kẻ chốn trang đài người lữ thứ,
Lấy ai mà kể nỗi hàn ôn?*

Câu 10. Qua bài thơ, anh/chị hãy nêu suy nghĩ về ý nghĩa của việc gắn bó với quê hương.
(Trả lời khoảng 7 – 10 dòng)

PHẦN II. VIẾT (4.0 điểm)

Viết bài văn nghị luận trình bày cảm nhận về giá trị nội dung và nghệ thuật của một bài thơ Đường luật đã để lại cho anh/ chị ấn tượng sâu sắc.

ĐÁP ÁN HƯỚNG DẪN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm														
I		ĐỌC HIỂU	6.0														
	1 - 7	<table><tr><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td></tr><tr><td>B</td><td>D</td><td>D</td><td>C</td><td>C</td><td>D</td><td>C</td></tr></table> Hướng dẫn chấm: Mỗi câu trả lời đúng được 0,5 điểm.	1	2	3	4	5	6	7	B	D	D	C	C	D	C	3.5
	1	2	3	4	5	6	7										
	B	D	D	C	C	D	C										
	8	Các từ Hán Việt tạo sắc thái tạo sắc thái trang trọng, tao nhã, tinh tế, tạo ra sắc thái cổ, phù hợp với xã hội xưa. Hướng dẫn chấm: - Trả lời đầy đủ như đáp án: 0,5 điểm - Trả lời chạm ý hoặc chưa rõ ràng: 0,25 điểm - Không trả lời: 0 điểm	0.5														
9	Tâm trạng của nhân vật trữ tình trong hai câu cuối: Tâm trạng buồn lê thê, một niềm sầu thương tê tái của người lữ khách đi xa nhớ nhà, nhớ quê hương da diết. Hướng dẫn chấm: - Trả lời như Đáp án: 1,0 điểm - Trả lời chạm ý hoặc chưa rõ ràng: 0,5 điểm - Trả lời sơ sài: 0,25 điểm - Không trả lời: 0 điểm	1.0															
6	*Đảm bảo hình thức đoạn văn.		1.0														

		*Nội dung: ý nghĩa của việc gắn bó với quê hương. + Gắn bó với quê hương giúp hình thành sợi dây liên kết bền chặt giữa con người với quê hương. + Gắn bó với quê hương giúp mỗi người có động lực sống và làm việc hết mình để xây dựng quê hương, trở thành niềm tự hào của quê hương. + Tạo nên lối sống nghĩa tình, biết hướng về nguồn cội, bồi dưỡng nhân cách, tâm hồn mỗi người. ... Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm - Học sinh trả lời đúng một ý: 0,5 điểm - Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,25 điểm - Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm *Lưu ý: Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lí là chấp nhận được.	
II		LÀM VĂN	4.0
		Viết bài văn trình bày cảm nhận về giá trị nội dung và nghệ thuật của một bài thơ Đường luật để lại cho anh/ chị ấn tượng sâu sắc.	
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</i> Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Giá trị nội dung và nghệ thuật của một bài thơ Đường luật.	0.25
		<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm	

		bảo các yêu cầu sau:	
		* Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm, vấn đề nghị luận. Hướng dẫn chấm: Phần giới thiệu tác giả, giới thiệu tác phẩm: 0,25 điểm; giới thiệu vấn đề nghị luận: 0,25 điểm.	0.5
		*Phân tích bài thơ: trích thơ rồi lần lượt phân tích những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ, v.v.... trong từng câu thơ, giải mã đúng từ ngữ, hình ảnh đó để giúp người đọc cảm thấy được những cái hay, cái đặc sắc về nội dung, nghệ thuật của bài thơ.	1.5
		*Nhận xét đánh giá bài thơ: + Đánh giá về nội dung, tư tưởng của bài thơ. (Nét đặc sắc về nội dung của bài thơ là gì? Thành công/hạn chế?) + Đánh giá về nghệ thuật biểu hiện đặc sắc (Thành công/hạn chế?) + Đánh giá về phong cách tác giả. (Qua bài thơ, em thấy tác giả là người như thế nào; có thể nói thêm những đặc điểm về phong cách nghệ thuật và đóng góp của nhà thơ trên văn đàn lúc bấy giờ).	0.5
		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Hướng dẫn chấm: Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	0.5
		e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. Hướng dẫn chấm: Học sinh biết vận dụng lí luận văn học trong quá trình cảm nhận, đánh giá; biết so sánh với các tác phẩm khác, với thực tiễn đời sống để làm nổi bật vấn đề nghị luận; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc. - Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm. - Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.	0.5
Tổng điểm			10,0

